TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm: 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 76, đường số B, Khu dân cư T, ấp N, xã B, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: Số 35E2, khu phố M, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hiếu N, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 243D, Khu phố B, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương U trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hiếu N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/4/2021, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm, hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông bà đã cố gắn hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà và ông N không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hiếu N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Phương U kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/4/2021, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn với bà U.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông và bà U không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Phương U khởi kiện ông Nguyễn Hiếu N yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hiếu N là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hiếu N là bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/4/2021, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà U và ông N đều thừa nhận có xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai thống nhất đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà U và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương U đối với ông Nguyễn Hiếu N.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Phương U phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương U đối với bị đơn ông Nguyễn Hiếu N về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương U được ly hôn với ông Nguyễn Hiếu N.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương U và ông Nguyễn Hiếu N cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Phương U phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001084 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Phương U đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương U có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Hiếu N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út